

BỘ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 6269/BYT-BH

V/v diễn giải chi tiết các phụ lục thuộc Quyết định số
4905/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 24 tháng 10 năm 2019

Kính gửi: - Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các bệnh viện, viện có giường bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Ban Thực hiện chính sách bảo hiểm y tế, thuộc Bảo hiểm xã hội Việt Nam;
- Y tế các Bộ, ngành.
(Sau đây gọi chung là các đơn vị)

Ngày 21/10/2019, Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban hành Quyết định số 4905/QĐ-BYT về việc Sửa đổi, bổ sung Phụ lục số 05 (danh mục mã thuốc tân dược) ban hành kèm theo Quyết định số 7603/QĐ-BYT ngày 25/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế về ban hành bộ mã danh mục dùng chung áp dụng trong quản lý khám bệnh, chữa bệnh và thanh toán bảo hiểm y tế (Sau đây gọi tắt là Quyết định số 4905/QĐ-BYT). Để thuận tiện cho các đơn vị trong việc thực hiện cập nhật, bổ sung danh mục thuốc kịp thời, chính xác, Bộ Y tế cung cấp diễn giải chi tiết các phụ lục trong file “Các phụ lục đính chính, sửa đổi” ban hành kèm theo quyết định số 4905/QĐ-BYT như sau:

1. Sheet “Tổng hợp” (Cung cấp danh sách, số lượng thuốc, số lượng hoạt chất thuộc các danh mục trong Quyết định số 7603 và Quyết định số 4905).

2. Sheet “Danh mục hoạt chất đổi mã”, với tổng số **19 hoạt chất**, bao gồm các thông tin:

- Tên hoạt chất;
- Mã hoạt chất theo Quyết định 7603;
- Mã hoạt chất đính chính theo quyết định số 4905 và,
- Số lượng thuốc tương ứng với mỗi hoạt chất.

3. Sheet “Danh mục thuốc đổi mã (Căn cứ vào hoạt chất đổi mã)”, liệt kê danh sách chi tiết **328 thuốc** của **19 hoạt chất đổi mã**.

4. Sheet “Danh mục thuốc bổ sung vào phụ lục 05.1 (được cơ quan BHXH thanh toán)”, liệt kê danh sách 06 mã hoạt chất với số lượng thuốc tương ứng như sau:

STT	Mã hoạt chất	Số lượng thuốc
1	40.1019	1
2	40.14	2
3	40.482	3
4	40.553	120
5	40.759	1
6	40.774	1
	Tổng cộng	128

5. Sheet “Danh mục thuốc loại khỏi phụ lục 05.1 (không được cơ quan BHXH thanh toán), liệt kê danh sách **04 mã hoạt chất** với số lượng thuốc tương ứng như sau:

STT	Mã hoạt chất	Số lượng thuốc	Ghi chú
1	40.180	18	
2	40.324	1	
3	40.328	2	
4	40.30.303	1	Loại bỏ thuốc hoạt chất Voriconazole đường Tiêm do Thông tư 30/2018/TT- BYT chỉ quy định thanh toán đối với đường Uống
	Tổng cộng	22	

6. Sheet “Danh mục thuốc bổ sung vào phụ lục 05.4 (bổ sung vào danh mục thuốc loại)”, liệt kê danh sách **04 mã hoạt chất** với số lượng thuốc tương ứng như sau:

STT	Mã hoạt chất	Số lượng thuốc	Ghi chú
1	40.180	18	

2	40.324	1	
3	40.328	2	
4	40.30.303	1	Loại bỏ thuốc hoạt chất Voriconazole đường Tiêm, do Thông tư 30/2018/TT-BYT chỉ quy định thanh toán đối với đường Uống
	Tổng cộng	22	

7. Sheet “Danh mục thuốc loại khỏi phụ lục 05.4 (bổ sung trở lại phụ lục 05.1, thuốc được cơ quan BHXH thanh toán)”, liệt kê danh sách **06 mã hoạt chất** với số lượng thuốc tương ứng như sau:

STT	Mã hoạt chất	Số lượng thuốc
1	40.1019	1
2	40.14	2
3	40.482	3
4	40.553	120
5	40.759	1
6	40.774	1
	Tổng cộng	128

8. Sheet “Danh mục hoạt chất bổ sung phụ lục 05.7 (loại hoạt chất)”, liệt kê danh sách **03 hoạt chất** cụ thể như sau:

STT	Mã hoạt chất	Tên hoạt chất	Đường dùng	Mã đường dùng
1	40.328	Mefloquin	Uống	1.01

2	40.180	Ceftezol	Tiêm	2.10
3	40.324	Amodiaquin	Uống	1.01

9. Sheet “Danh mục hoạt chất loại khỏi phụ lục 05.7 (bổ sung hoạt chất, bổ sung thuốc được cơ quan BHXH thanh toán)”, liệt kê danh sách **07 hoạt chất** cụ thể như sau:

STT	Mã hoạt chất	Tên hoạt chất	Đường dùng	Mã đường dùng
1	40.103	Đồng sulfat	Uống	1.01
2	40.480	Nicorandil	Tiêm	2.10
3	40.482	Adenosin triphosphat	Uống	1.01
4	40.553	Fenofibrat	Uống (viên tác dụng chậm)	1.01
5	40.874	Nandrolon monosodium	Nhỏ mắt	6.01
6	40.937	Rotundin	Tiêm	2.10
7	40.1019	Magnesi aspartat + kali aspartat	Tiêm	2.10

10. Sheet “Danh mục hoạt chất bổ sung phụ lục 05.8 (hoạt chất loại đường dùng)”, liệt kê danh sách **04 hoạt chất** cụ thể như sau:

STT	Mã hoạt chất	Tên hoạt chất	Đường dùng	Mã đường dùng
1	40.103	Đồng sulfat	Uống	1.01
2	40.480	Nicorandil	Tiêm	2.10
3	40.874	Nandrolon monosodium	Nhỏ mắt	6.01
4	40.937	Rotundin	Tiêm	2.10

11. Sheet “Danh mục thuốc bỏ dấu sao”, liệt kê danh sách **18 mã hoạt chất** với số lượng thuốc tương ứng như sau:

STT	Mã hoạt chất	Số lượng thuốc
1	40.168	95
2	40.174	33
3	40.183	188
4	40.192	42
5	40.197	26
6	40.205	25
7	40.218	9
8	40.228	40
9	40.229	1
10	40.230	4
11	40.231	8
12	40.250	2
13	40.258	43
14	40.272	8
15	40.271	11
16	40.399	4
17	40.171	59

18	40.172	146
	Tổng cộng	744

12. Sheet “Danh mục thuốc bỏ dấu sao”, liệt kê danh sách **10 mã hoạt chất** với số lượng thuốc tương ứng như sau:

STT	Mã hoạt chất	Số lượng thuốc
1	Acid amin*	11
2	Doripenem*	5
3	Ertapenem*	3
4	Imipenem + cilastatin*	5
5	Meropenem*	13
6	Fosfomycin*	15
7	Linezolid*	5
8	Teicoplanin*	1
9	Amphotericin B*	2
10	Voriconazole*	5
	Tổng cộng	65

13. Sheet “Danh mục mã đường dùng”, liệt kê **65 mã đường dùng thuốc**, trong đó **bổ sung 02 mã đường dùng** mới như sau:

STT	Mã đường dùng	Đường dùng/dạng dùng
1	5.11	Đường nội khí quản

2	9.19	Tại chỗ (ngâm vào khoang màng bụng)
---	------	-------------------------------------

Bộ Y tế đề nghị thủ trưởng các đơn vị nghiên cứu, chỉ đạo các đơn vị thuộc quyền quản lý, các khoa, phòng có liên quan trong đơn vị thực hiện rà soát, điều chỉnh lại danh mục thuốc đang sử dụng tại đơn vị và ánh xạ danh mục trên Cổng tiếp nhận dữ liệu Hệ thống Thông tin giám định BHYT của cơ quan bảo hiểm xã hội theo đúng quy định tại quyết định này, nhằm bảo đảm thực hiện trích chuyển dữ liệu đúng, đủ, kịp thời theo qui định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh đề nghị các cơ sở KBCB phản ánh kịp thời về Bộ Y tế (Vụ Bảo hiểm y tế) để được tổng hợp xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT. Nguyễn Trường Sơn (để b/c);
- Vụ trưởng Vụ BHYT (để b/c);
- Lưu: VT, BH.

TL. BỘ TRƯỞNG
KT. VỤ TRƯỞNG VỤ BẢO HIỂM Y TẾ
PHÓ VỤ TRƯỞNG

Đặng Hồng Nam